

THÔNG BÁO

**Định mức thu học phí các lớp ngoại ngữ, tin học
năm học 2025 – 2026 tại Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học**

Căn cứ Quyết định số 6045/QĐ-ĐHĐT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Trường Đại học Đồng Tháp về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 4637/QĐ-ĐHĐT của Trường Đại học Đồng Tháp về việc Quy định mức thu học phí các lớp ngoại ngữ, tin học năm học 2025 – 2026 tại Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học,

Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học thông báo định mức thu học phí các lớp ngoại ngữ, tin học năm học 2025 – 2026 tại Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học, cụ thể như sau:

I. ĐỊNH MỨC HỌC PHÍ

STT	Tên lớp	Số tiết; số buổi	100% trực tiếp	10% trực tuyến + 30% trực tiếp	100% trực tuyến	Ghi chú
I	Các lớp UDCNTT cơ bản chuẩn đầu ra					
1	Lớp Ứng dụng CNTT cơ bản	75	1.680.000			Khóa
2	Lớp Ôn thi Ứng dụng CNTT cơ bản	45	1.120.000			Khóa
II	Các lớp tin học thiếu nhi					
1	Lớp Tin học trẻ em (Ms Paint và Ms PowerPoint) (từ lớp 5 đến lớp 9)	40	1.200.000			Khóa
2	Lớp Lắp ráp Robot và Lập trình SCRATCH điều khiển (từ lớp 3 đến lớp 9)	40	1.200.000			Khóa
3	Lớp Lập trình SCRATCH cơ bản (từ lớp 3 đến lớp 9)	40	1.200.000			Khóa
4	Lớp Lập trình SCRATCH nâng cao (từ lớp 3 đến lớp 9)	40	1.200.000			Khóa
5	Lớp Lập trình Python cơ bản	60	1.800.000			Khóa
6	Lớp Lập trình Python nâng cao	60	1.800.000			Khóa
7	Lớp lập trình C++ cơ bản	60	1.800.000			Khóa
8	Lớp lập trình C++ nâng cao	60	1.800.000			Khóa
9	Ôn thi Chứng chỉ MOS	30	1.000.000			Khóa

STT	Tên lớp	Số tiết; số buổi	100% trực tiếp	10% trực tuyến + 30% trực tiếp	100% trực tuyến	Ghi chú
III Các lớp UDCNTT nâng cao						
1	Lớp Xử lý văn bản nâng cao	45	1.350.000			Khóa
2	Lớp Sử dụng bảng tính nâng cao	45	1.350.000			Khóa
3	Lớp Sử dụng trình chiếu nâng cao	45	1.350.000			Khóa
4	Lớp Sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu	45	1.350.000			Khóa
5	Lớp Biên tập ảnh với Photoshop	45	1.350.000			Khóa
6	Lớp Biên tập trang thông tin điện tử (Moodle, Joomla)	45	1.350.000			Khóa
7	Lớp Thiết kế đồ họa hai chiều	45	1.350.000			Khóa
8	Lớp An toàn, bảo mật thông tin	45	1.350.000			Khóa
9	Lớp Sử dụng phần mềm kế hoạch dự án	45	1.350.000			Khóa
IV Các lớp chuyên đề bồi dưỡng năng lực tin học						
1	Lớp Tin học cơ bản cho người khởi nghiệp	75	2.250.000			Khóa
2	Lớp Tin học văn phòng	30	900.000			Khóa
3	Lớp Ứng dụng CNTT trong kinh doanh	45	1.350.000			Khóa
4	Lớp Thiết kế trình chiếu và khai thác công cụ hỗ trợ dạy học trực tuyến	20	600.000			Khóa
5	Lớp Xử lý tư liệu trong hoạt động giảng dạy có UDCNTT ở cấp mầm non, tiểu học	30	900.000			Khóa
6	Lớp Thiết kế đồ họa với Illustrator	45	1.350.000			Khóa
7	Lớp Ôn thi UDCNTT cơ bản cho kỳ thi nâng hạng chuyên viên	30	900.000			Khóa
8	Lớp Ôn thi UDCNTT cơ bản cho kỳ thi nâng hạng chuyên viên chính	30	900.000			Khóa
9	Lớp Bồi dưỡng năng lực UDCNTT, sử dụng các phần mềm hỗ trợ công việc	30	900.000			Khóa
10	Lớp Bồi dưỡng năng lực UDCNTT dành cho người khởi nghiệp	60	1.800.000			Khóa
11	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo dành cho học sinh phổ thông	30	900.000			Khóa
12	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo dành cho công việc văn phòng	30	900.000			Khóa
13	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo quảng bá sản phẩm	30	900.000			Khóa

STT	Tên lớp	Số tiết; số buổi	100% trực tiếp	10% trực tuyển + 30% trực tiếp	100% trực tuyển	Ghi chú
V	Các lớp ngoại ngữ chuẩn đầu ra (tiếng Anh/Trung/Pháp)					
*	Từ khóa tuyển sinh 2021 trở về trước					
	Lớp Ôn tiếng Anh B1	60	1.720.000			Khóa
*	Khóa tuyển sinh 2022					
	Lớp tiếng Anh/Trung/Pháp B1	120	3.440.000			Khóa
*	Từ khóa tuyển sinh 2023					
1	Lớp tiếng Anh/Trung/Pháp 1	45	1.440.000			Khóa
2	Lớp tiếng Anh/Trung/Pháp 2	45	1.440.000			Khóa
3	Lớp tiếng Anh/Trung/Pháp 3	60	1.920.000			Khóa
VI	Các lớp tiếng Anh theo chuẩn VSTEP trong trường					
*	Các lớp học và Ôn VSTEP Bậc 3 (B1)					
1	Lớp cung cấp kiến thức nền, Ôn tập và Hướng dẫn làm bài thi VSTEP Bậc 3 (B1)	195	6.240.000	5.000.000	4.700.000	Khóa
2	Lớp Ôn tập kiến thức và hướng dẫn làm bài thi VSTEP Bậc 3 (B1)	150	4.800.000	3.900.000	3.600.000	Khóa
3	Lớp Ôn thi VSTEP Bậc 3 (B1)	105	3.710.000	2.970.000	2.800.000	Khóa
4	Lớp Ôn thi VSTEP Bậc 3 (B1) cấp tốc	60	2.120.000	1.700.000	1.600.000	Khóa
*	Các lớp học và Ôn VSTEP Bậc 4 (B2)					
1	Lớp Hướng dẫn làm bài thi VSTEP Bậc 4 (B2)	150	5.500.000	4.400.000	4.100.000	Khóa
2	Lớp Ôn thi VSTEP Bậc 4 (B2) cấp tốc	60	2.200.000	1.750.000	1.650.000	Khóa
*	Các lớp học và Ôn VSTEP Bậc 5 (C1)					
1	Lớp Hướng dẫn làm bài thi VSTEP Bậc 5 (C1)	150	6.000.000	4.800.000	4.500.000	Khóa
2	Lớp Ôn thi VSTEP Bậc 5 (C1) cấp tốc	60	2.400.000	1.950.000	1.850.000	Khóa
VII	Các lớp giao tiếp tiếng Anh/Trung/Hàn/Nhật					
1	Lớp tiếng Anh giao tiếp	90	3.000.000	2.400.000	2.200.000	Khóa
2	Lớp tiếng Trung giao tiếp 1	45	1.500.000	1.200.000	1.100.000	Khóa
3	Lớp tiếng Trung giao tiếp 2	45	1.500.000	1.200.000	1.100.000	Khóa

STT	Tên lớp	Số tiết; số buổi	100% trực tiếp	10% trực tuyển + 30% trực tiếp	100% trực tuyển	Ghi chú
4	Lớp tiếng Hàn giao tiếp 1	120	4.000.000	3.200.000	3.000.000	Khóa
5	Lớp tiếng Hàn giao tiếp 2	120	4.000.000	3.200.000	3.000.000	Khóa
6	Lớp tiếng Nhật Sơ cấp N5.1	78	2.438.000			Khóa
7	Lớp tiếng Nhật Sơ cấp SC N5.2	72	2.250.000			Khóa
8	Lớp tiếng Nhật Sơ cấp SC N5.3	72	2.250.000			Khóa
9	Lớp tiếng Nhật Sơ cấp SC N4.1	72	2.250.000			Khóa
10	Lớp tiếng Nhật Sơ cấp SC N4.2	72	2.250.000			Khóa
11	Lớp tiếng Nhật Sơ cấp SC N4.3	72	2.250.000			Khóa
VIII	Các lớp IELTS					
1	Lớp Bridge to IELTS	8	600.000			Tháng
2	Lớp IELTS Foundation	8	700.000			Tháng
3	Lớp IELTS 4.0 - 5.5	8	1.000.000	900.000	800.000	Tháng
4	Lớp IELTS 5.5 - 6.5	8	1.200.000	1.000.000	900.000	Tháng
5	Lớp IELTS 6.5 - 7.5	8	1.300.000	1.100.000	1.000.000	Tháng
IX	Các lớp tiếng Anh trẻ em với giáo viên Việt Nam					
1	Lớp tiếng Anh Mầm non	8	350.000			Tháng
2	Lớp Pre - Starters	8	370.000			Tháng
3	Lớp Starters	8	390.000			Tháng
4	Lớp Movers	8	420.000			Tháng
5	Lớp Flyers	8	450.000			Tháng
X	Các lớp tiếng Anh trẻ em với giáo viên nước ngoài					
1	Lớp Pre -Starters (2 buổi GV Nước ngoài + 6 buổi GV Việt Nam)	8	520.000			Tháng
2	Lớp Starters (2 buổi GV Nước ngoài + 6 buổi GV Việt Nam)	8	560.000			Tháng
3	Lớp Movers (2 buổi GV Nước ngoài + 6 buổi GV Việt Nam)	8	580.000			Tháng
4	Lớp Flyers (2 buổi GV Nước ngoài + 6 buổi GV Việt Nam)	8	600.000			Tháng
XI	Các lớp ngoại ngữ, tin học liên kết ngoài trường (mức thu theo thỏa thuận hợp đồng)					

II. CHÍNH SÁCH MIỄN GIẢM HỌC PHÍ

* Đối với các lớp tiếng Anh, tin học thiếu nhi và các lớp IELTS, VSTEP (đối tượng là học sinh THCS, THPT) được áp dụng mức miễn, giảm học phí như sau:

- Giảm 20% học phí cho học viên là con của viên chức công tác trong ngành giáo dục.
- Giảm 30% học phí cho học viên là con của viên chức Trường Đại học Đồng Tháp.
- Giảm 3% học phí hoặc tặng 01 áo thun khi học viên đóng tiền trước 3 tháng liên tục.
- Miễn học phí tháng thứ 07 hoặc tặng 01 balo khi học viên đóng tiền trước 06 tháng liên tục.

* Đối với các lớp ngoại ngữ, tin học khác: Học viên là sinh viên Trường Đại học Đồng Tháp thuộc diện con dân tộc thiểu số, con thương binh, liệt sỹ, cháu Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng, gia đình hộ nghèo, cận nghèo, người khuyết tật (kèm hồ sơ minh chứng) khi đăng ký học một trong các lớp ngoại ngữ, tin học tại Trung tâm sẽ được giảm 25% học phí của một lớp học và chỉ được giảm một lần duy nhất. Nếu đăng ký học lần thứ hai trở lên, sinh viên phải đóng 100% mức thu học phí theo quy định.

III. THỜI GIAN ÁP DỤNG

Áp dụng định mức thu học phí mới từ ngày 11/8/2025 (riêng các lớp tại Cơ sở 2 sẽ áp dụng định mức thu học phí mới từ ngày 01/9/2025)/.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Đối tượng có nhu cầu đăng ký học;
- Đăng Website Trung tâm;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Võ Minh Lâm